

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 11/2013/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 3 năm 2013

QUYẾT ĐỊNH

Về điều chỉnh giá nước sinh hoạt khu vực nông thôn trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch và Nghị định số 124/2011/NĐ-CP ngày 28 tháng 12 năm 2011 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 75/2012/TTLT-BTC-BXD-BNNPTNT ngày 15 tháng 5 năm 2012 của Liên Bộ Tài chính, Bộ Xây dựng và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn nguyên tắc, phương pháp xác định và thẩm quyền quyết định giá tiêu thụ nước sạch tại các đô thị, khu công nghiệp và khu vực nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 88/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 5 năm 2012 của Bộ Tài chính về việc ban hành khung giá tiêu thụ nước sạch sinh hoạt;

Căn cứ nội dung kết luận của Thường trực Ủy ban nhân dân thành phố tại Thông báo số 119/TB-VP ngày 25 tháng 02 năm 2013 về điều chỉnh giá nước sinh hoạt khu vực nông thôn trên địa bàn thành phố;

Xét đề nghị của Liên Sở Tài chính - Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 9975/TTr-LS-STC-SNNPTNT, ngày 16 tháng 10 năm 2012 về điều chỉnh giá nước sinh hoạt khu vực nông thôn trên địa bàn thành phố,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay điều chỉnh đơn giá nước sinh hoạt khu vực nông thôn do Trung tâm nước sinh hoạt và vệ sinh môi trường nông thôn cung cấp (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh như sau:

Đối tượng sử dụng nước	Đơn giá nước (đồng/m³)
Các hộ dân cư:	
- Đến 4 m ³ /người/tháng	3.300
- Trên 4 m ³ đến 6 m ³ /người/tháng	5.200
- Trên 6 m ³ /người/tháng	7.000
Cơ quan hành chính sự nghiệp, đoàn thể	5.200
Đơn vị sản xuất	6.600
Đơn vị kinh doanh - dịch vụ	9.400

Điều 2. Quy định đối tượng sử dụng nước**1. Đối tượng sử dụng nước sinh hoạt:**

- Hộ gia đình là các hộ dân sử dụng nước cho mục đích sinh hoạt.
- Các cơ sở xã hội, cơ sở chữa bệnh - cai nghiện thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội sử dụng nước cho mục đích sinh hoạt.

Định mức nước sinh hoạt được xác định trên số nhân khẩu thường trú và tạm trú dài hạn căn cứ theo sổ hộ khẩu thường trú và sổ tạm trú. Mỗi nhân khẩu chỉ được đăng ký định mức tại một thuê bao đồng hồ nước. Trường hợp nhiều hộ gia đình sử dụng chung một đồng hồ nước (địa chỉ trong hộ khẩu thường trú khác với địa chỉ đặt đồng hồ nước) thì tính định mức các nhân khẩu sử dụng chung cho khách hàng đứng tên thuê bao đồng hồ nước.

Trường hợp người nhập cư, sinh viên và người lao động thuê nhà để ở (có thời hạn thuê từ 12 tháng trở lên, căn cứ vào giấy đăng ký tạm trú và hợp đồng thuê nhà có xác nhận của địa phương) được tính định mức theo số nhân khẩu như trên.

2. Đối tượng sử dụng nước không sinh hoạt:

a) Cơ quan hành chính sự nghiệp, đoàn thể, bao gồm:

- Các đơn vị lực lượng vũ trang, công an, phòng cháy và chữa cháy.

- Bệnh viện, trường học.
- Các cơ quan, đoàn thể, cơ sở tôn giáo.
- Cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp khác.

b) Đơn vị sản xuất, bao gồm:

- Các nhà máy, xí nghiệp, cơ sở sản xuất, chế biến, gia công.
- Các cơ sở trồng trọt, chăn nuôi, xử lý chất thải, lò thiêu.
- Nước phục vụ các công trình xây dựng.
- Nước sử dụng cho các hoạt động sản xuất khác.

c) Đơn vị kinh doanh - dịch vụ, bao gồm:

- Các nhà máy, cơ sở sản xuất: nước đá, kem, nước giải khát.
- Các khách sạn, nhà hàng, nhà nghỉ, các điểm kinh doanh ăn uống, giải khát.
- Các cơ sở thẩm mỹ, rửa xe, giặt ủi, các khu vui chơi giải trí.
- Các khu thương mại - dịch vụ, chợ, siêu thị, đại lý, cửa hàng thương mại.
- Các dịch vụ cấp nước cho ghe, tàu, thuyền.
- Các hoạt động của tổ chức, cá nhân mang tính chất kinh doanh khác.

d) Đối với các đối tượng sử dụng nước phức hợp bao gồm các đối tượng sử dụng nước cho mục đích sinh hoạt, sản xuất và kinh doanh - dịch vụ:

Doanh nghiệp cấp nước cùng với khách hàng xác định tỷ lệ nước sử dụng cho các mục đích khác nhau.

3. Đối tượng mua sỉ nước sạch:

Đối tượng mua sỉ nước sạch là những khách hàng có hệ thống ống nội bộ, mua sỉ nước sạch phân phối lại cho các đối tượng sử dụng nước khác trong hệ thống ống nội bộ, cụ thể như sau:

- Đối tượng sinh hoạt: các khu dân cư, chung cư, cư xá, ký túc xá, khu lưu trú công nhân.

- Đối tượng sản xuất: các khu công nghiệp, khu công nghệ cao, khu chế xuất.

- Đối tượng kinh doanh - dịch vụ: các khu thương mại, dịch vụ, khu chợ đầu mối.

a) Đối với đối tượng mua sỉ nước sạch, giảm 10% đơn giá nước quy định tại Điều 1 Quyết định này.

b) Đối với các khách hàng mua sỉ nước sạch phân phối lại cho các đối tượng sử dụng nước phức hợp (bao gồm các đối tượng sử dụng nước cho mục đích sinh hoạt, sản xuất và kinh doanh - dịch vụ) thì doanh nghiệp cấp nước cùng với khách hàng xác định tỷ lệ nước sử dụng cho các mục đích khác nhau.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 4 năm 2013 và thay thế Quyết định số 12/2011/QĐ-UBND ngày 28 tháng 02 năm 2011 của Ủy ban nhân dân thành phố về điều chỉnh giá nước sinh hoạt khu vực nông thôn trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giám đốc Sở Xây dựng, Giám đốc Sở Giao thông vận tải, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận 2, quận 8, quận 9, quận 12, quận Thủ Đức, quận Bình Tân, quận Tân Phú, huyện Nhà Bè, huyện Bình Chánh, huyện Hóc Môn, huyện Củ Chi, Giám đốc Trung tâm nước sinh hoạt và vệ sinh môi trường nông thôn và các đối tượng sử dụng nước khu vực nông thôn chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Hữu Tín